TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 05/2019/QĐST-HNGĐ	*P, ngày 16 tháng 01 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 259/2018/TLST/HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1987

Địa chỉ: Xóm G, xã Xg, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Xóm G, xã X, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 6; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 01 năm 2019,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 01 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Anh T và chị Nguyễn Thị N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Anh T và chị Nguyễn Thị N thuận tình ly hôn.

2.2. Về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con và thăm nom con sau khi ly hôn:

Về con chung: Anh T, chị N thỏa thuận: Anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Ánh H, sinh ngày 13/5/2013 cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con, nên tạm hoãn yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của anh T đối với chị N cho đến khi có yêu cầu.

Về quyền thăm nom con: Sau khi ly hôn chị N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết chị N có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

2.3. Về tài sản chung: Anh T, chị N có một xe mô tô nhãn hiệu SH BKS: 20G1-44432, anh T và chị N tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về công nợ chung: Anh T, chị N đều xác định vợ chồng không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Án phí ly hôn sơ thẩm: Hai bên đương sự đều nhất trí việc anh T tự nguyện nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước, anh T đề nghị được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp và được hoàn trả lại khoản tiền tạm ứng án phí 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000662 ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện P;
- UBND xã X;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Sái Đức Trung